

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngọc Ninh theo Giấy phép khai thác nước dưới đất số 215/GP-UBND ngày 07/11/2024 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác nước dưới đất số 215/GP-UBND ngày 07/11/2024 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1700/TTr-STNMT ngày 31/10/2024 (kèm theo Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ngày 09/10/2024 của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngọc Ninh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngọc Ninh theo Giấy phép khai thác nước dưới đất số 215/GP-UBND ngày 07/11/2024 của UBND tỉnh, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngọc Ninh.

- Địa chỉ: Thôn Tô, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

- Mã số thuế: 2802058590.

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: Công trình khai thác nước dưới đất tại Xưởng gia công may xuất khẩu Cẩm Bình, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục đích và lưu lượng sử dụng nước phải nộp tiền: Phục vụ hoạt động của Xưởng gia công may xuất khẩu Cẩm Bình; không thực hiện việc kinh doanh bán nước ra ngoài phạm vi đơn vị.

Lưu lượng sử dụng nước phải nộp tiền:

- Đối với nước dùng cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân:

$$W_1 = 30 \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 1.095 \text{ ngày} \times 365/365 \text{ ngày} = 32.850 \text{ m}^3.$$

- Đối với nước dùng cho làm mát máy, thiết bị, tạo hơi:

$$W_2 = 16 \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 1.095 \text{ ngày} \times 365/365 \text{ ngày} = 17.520 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước từ ngày 26/12/2024 đến hết ngày 25/12/2027 (theo hiệu lực Giấy phép khai thác nước dưới đất số 215/GP-UBND ngày 07/11/2024 của UBND tỉnh) là 1.095 ngày; chế độ khai thác trong năm: 365/365 ngày.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

- $G_1 = 70.000 \text{ đồng/m}^3$ (đối với nước dưới đất dùng để phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp quy định tại mục V3012 Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh).

- $G_2 = 5.000 \text{ đồng/m}^3$ (đối với nước dưới đất dùng cho mục đích làm mát, tạo hơi quy định tại mục V30302 Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh).

5. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0 + 0,1) = 1,4$.

6. Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

- $M_1 = 1,5\%$ (đối với khai thác nước dùng cho sản xuất);

- $M_2 = 0,2\%$ (đối với khai thác nước dùng cho làm mát máy, thiết bị, tạo hơi).

7. Số tiền phải nộp 01 ngày:

$$T_{01 \text{ ngày}} = W_{01 \text{ ngày}} \times G \times K \times M = (30 \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\%) + (16 \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 5.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 0,2\%) = 44.324 \text{ đồng/ngày}.$$

8. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền: 1.095 ngày (tính từ ngày 26/12/2024 đến hết ngày 25/12/2027 theo hiệu lực Giấy phép khai thác nước dưới đất số 215/GP-UBND ngày 07/11/2024 của UBND tỉnh là 1.095 ngày; chế độ khai thác trong năm: 365/365 ngày).

9. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

- Số tiền phải nộp cho mục đích sinh hoạt của cán bộ, công nhân:

$$T_1 = W_1 \times G_1 \times K \times M_1 = 32.850 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\% = 48.289.500 \text{ đồng}.$$

- Số tiền phải nộp cho mục đích làm mát máy, thiết bị, tạo hơi:

$$T_2 = W_2 \times G_2 \times K \times M_2 = 17.520 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 0,2\% = 245.280 \text{ đồng.}$$

- Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

$$T = T_1 + T_2 = 48.534.780 \text{ đồng (Bốn mươi tám triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn, bảy trăm tám mươi đồng).}$$

Trong đó, phân chia số tiền phải nộp hàng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm 2024 (tính từ ngày 26/12/2024 đến hết ngày 31/12/2024): 266.000 đồng;
- Số tiền phải nộp hàng năm tiếp theo (2025 - 2026): 16.178.000 đồng/năm;
- Số tiền phải nộp năm 2027 (tính từ ngày 01/01/2027 đến hết ngày 25/12/2027): 15.912.780 đồng.

10. Phương án nộp tiền: Mỗi năm nộp 01 lần.

11. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh.

12. Trường hợp có vướng mắc, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngọc Ninh liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

- Tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có) đối với Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngọc Ninh.

2. Cục Thuế tỉnh:

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (nếu có) và gửi Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngọc Ninh; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành.

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12), tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngọc Ninh:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh; trường hợp chưa nhận được thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phải có trách nhiệm liên hệ với Cục Thuế tỉnh để thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngọc Ninh gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai thác, sử dụng nước đúng mục đích; tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

- Trường hợp có nhu cầu điều chỉnh việc tăng, giảm số lần nộp, số tiền phải nộp cho mỗi lần nộp thì phải có văn bản gửi Cục Thuế tỉnh để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

4. UBND huyện Cẩm Thủy; UBND xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy; Chủ tịch UBND xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy; Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Ngọc Ninh; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT_{VN63702}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi